



**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**
**BANK FOR INVESTMENT AND
DEVELOPMENT OF VIETNAM, JSC.**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số:
CBTT các Nghị quyết Hội đồng quản trị
về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần
*The Board of Directors' Resolutions on the
approval of the Component Strategies*

Hà Nội, ngày tháng năm
Hanoi, May 20th 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG **EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- *State Securities Commission;*
- *Vietnam Stock Exchange;*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*
- *Hanoi Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam/*Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC. (BIDV)*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: BID

- Địa chỉ/*Address*: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội/*BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai road, Hoan Kiem ward, Ha Noi*

- Điện thoại liên hệ/*Tel*: (84-24) 2220 5544

Fax: (84-24) 2220 0399

- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) công bố thông tin các Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần, bao gồm:

Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) announced the Board of Directors' Resolutions approving the Component Strategies, including:

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 536/NQ-BIDV ngày 19/05/2026 về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần - Chiến lược Quản trị tài chính BIDV giai đoạn 2026-2030;

- *The Board of Directors' Resolution No. 536/NQ-BIDV dated May 19th 2026 approving the Component Strategy - BIDV Financial Governance Strategy for the period 2026-2030;*

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 537/NQ-BIDV ngày 19/05/2026 về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần - Chiến lược phát triển hoạt động Ngân hàng bán lẻ BIDV giai đoạn 2026 - 2030;

- *The Board of Directors' Resolution No. 537/NQ-BIDV dated May 19th 2026 approving the Component Strategy - BIDV Retail Banking Development Strategy for the period 2026 - 2030;*

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 542/NQ-BIDV ngày 19/05/2026 về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần - Chiến lược phát triển hoạt động Khối Khách hàng doanh nghiệp BIDV giai đoạn 2026-2030;

- *The Board of Directors' Resolution No. 542/NQ-BIDV dated May 19th 2026 approving the Component Strategy - BIDV Business Customer Division Development Strategy for the period 2026-2030;*

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 543/NQ-BIDV ngày 19/05/2026 về việc phê duyệt Định hướng phát triển hệ sinh thái ngoài NHTM BIDV giai đoạn 2026-2030;

- *The Board of Directors' Resolution No. 543/NQ-BIDV dated May 19th 2026 approving the Development Orientation of BIDV's Non-Commercial Banking Ecosystem for the period 2026-2030;*

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 544/NQ-BIDV ngày 19/05/2026 về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần - Chiến lược Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số BIDV giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045;

- *The Board of Directors' Resolution No. 544/NQ-BIDV dated May 19th 2026 approving the Component Strategy - BIDV's Information Technology and Digital Transformation Strategy for the period 2026 - 2030, with a vision to 2045;*

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 545/NQ-BIDV ngày 19/05/2026 về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần - Chiến lược dữ liệu, AI và đổi mới sáng tạo của BIDV giai đoạn 2026-2030.

- *The Board of Directors' Resolution No. 545/NQ-BIDV dated May 19th 2026 approving the Component Strategy - BIDV's Data, AI and Innovation Strategy for the period 2026-2030.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 20/05/2026 tại đường dẫn <https://www.bidv.com.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu/This> information was published on the Bank's website on May 20th 2026 as in the links <https://www.bidv.com.vn/en/quan-he-nha-dau-tu>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./*



NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION
SENIOR EXECUTIVE VICE PRESIDENT

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/*As above;*
- Lưu TK&QHCD, VP/*Archive:*
Secretariat & Investor Relations,
BIDV Office.

Trần Long



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 536 /NQ-BIDV

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần -
Chiến lược Quản trị tài chính BIDV giai đoạn 2026-2030

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị BIDV;

Căn cứ Nghị quyết số 345/NQ-BIDV ngày 24/04/2026 của Hội đồng Quản trị BIDV v/v phê duyệt Chiến lược phát triển BIDV đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Xét đề xuất của Ban Điều hành tại Tờ trình số 1008a/TTr-TCKT ngày 14/05/2026 về việc Phê duyệt ban hành Chiến lược hợp phần Quản trị tài chính BIDV giai đoạn 2026-2030;

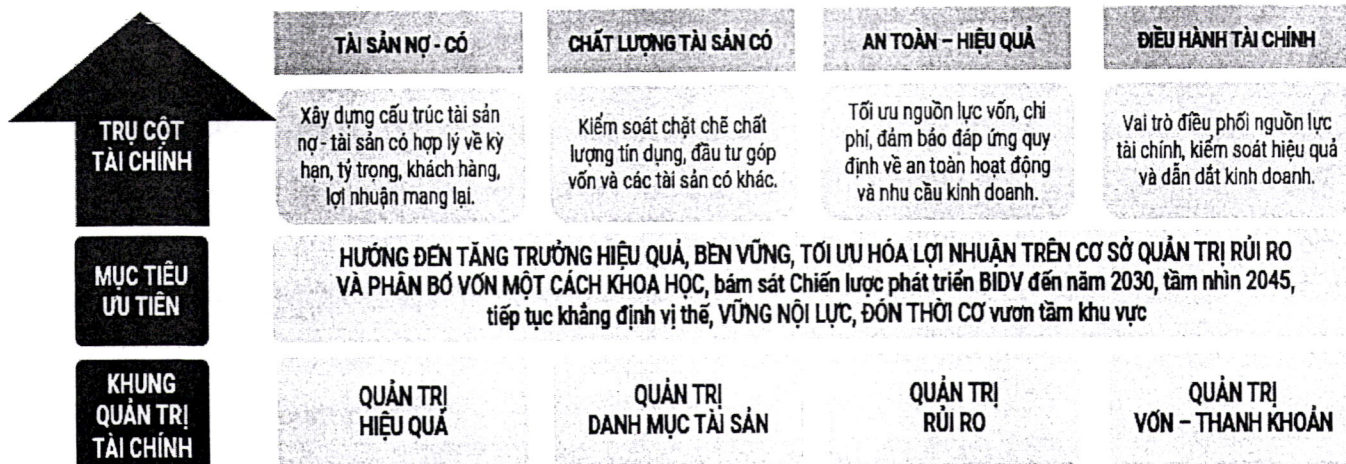
Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược hợp phần – Chiến lược Quản trị tài chính BIDV giai đoạn 2026-2030 như sau:

1. Tầm nhìn: Kiên định tầm nhìn xây dựng BIDV trở thành Tập đoàn Tài chính - Ngân hàng LỚN – MẠNH – XANH hàng đầu khu vực Đông Nam Á, phấn đấu thuộc TOP 100 Ngân hàng mạnh nhất Châu Á vào năm 2030, thuộc TOP 50 vào năm 2045.

2. Trụ cột, Khung quản trị, Mục tiêu ưu tiên của Chiến lược hợp phần Quản trị tài chính:



3. Mục tiêu cụ thể:

Đơn vị: Tỷ đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu
I	Hiệu quả và hiệu suất	
1	Tỷ lệ CASA bình quân	Cải thiện hàng năm, phấn đấu đạt 25% - 30% vào năm 2030
2	NIM	Cải thiện hàng năm, phấn đấu đạt mức 2,5% – 2,7% vào năm 2030
3	ROA	Cải thiện hàng năm
4	ROE	≥15% trong cả giai đoạn
5	CIR	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 <30%
6	Lợi nhuận trước thuế	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 đạt 86.000 tỷ đồng
7	Tỷ lệ thu DVR/Tổng thu nhập hoạt động	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 đạt 9,4%
II	Chất lượng tài sản	
1	Tỷ lệ nợ xấu	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 <1,0%
2	Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	≥100% trong cả giai đoạn
III	Chất lượng vốn và an toàn hoạt động	
1	CAR	Cải thiện hàng năm, phấn đấu đạt 10,7% vào năm 2030
2	Tỷ lệ vốn cấp 1	Đảm bảo quy định của NHNN
3	LDR	Đảm bảo quy định của NHNN
4	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	Đảm bảo quy định của NHNN
5	LCR	Đảm bảo quy định của NHNN
6	NSFR	Đảm bảo quy định của NHNN
IV	Tương quan với các ngân hàng so sánh	
	ROA, ROE, Tỷ lệ CASA cuối kỳ, NIM, Tỷ lệ nợ xấu, Tỷ lệ bao phủ nợ xấu, CIR, CAR, tỷ lệ vốn cấp 1	Phấn đấu tăng ít nhất 01 bậc ở các chỉ tiêu so sánh

Ghi chú: Số liệu riêng ngân hàng

4. Các nhóm giải pháp Chiến lược hợp phần Quản trị tài chính: bao gồm 5 nhóm giải pháp:

- Nhóm giải pháp chuẩn hóa công cụ đo lường theo xu hướng quản trị tài chính hiện đại trên nền tảng dữ liệu – công nghệ.

- Nhóm giải pháp đổi mới phương thức điều hành quản trị tài chính.
- Nhóm giải pháp quản trị tài chính hiệu quả và phân bổ vốn một cách khoa học.
- Nhóm giải pháp phát huy vai trò đối tác tài chính kinh doanh.
- Nhóm giải pháp số hóa, tự động hóa quản trị tài chính.

Nội dung cụ thể tại tài liệu Chiến lược hợp phần Quản trị tài chính đính kèm.


Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo: (i) Xây dựng và ban hành Chương trình hành động triển khai Chiến lược hợp phần; (ii) Tổ chức truyền thông, quán triệt nội dung

Chiến lược hợp phần trong toàn hệ thống; (iii) Bố trí các nguồn lực để triển khai, đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả và chất lượng các giải pháp trong Chiến lược hợp phần.

2. Giao Ban Nghiên cứu và Quản trị Chiến lược đầu mối theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chiến lược hợp phần, chủ động đề xuất, tham mưu cho Hội đồng Quản trị để có các chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Giám đốc Ban Tài chính kế toán, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./. 

Nơi nhận: (05b)

- HĐQT (để p/h c/đ);
- Ban Điều hành (để t/h);
- Như Điều 4 (để t/h);
- Người phụ trách quản trị BIDV;
- Lưu: VP, Ban TK&QHCD, Ban TCKT.



Phan Đức Tú





Số: 537 /NQ-BIDV

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần – Chiến lược phát triển hoạt động Ngân hàng bán lẻ BIDV giai đoạn 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 345/NQ-BIDV ngày 24/04/2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc phê duyệt chiến lược phát triển BIDV đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Xét đề nghị của Ban điều hành tại Tờ trình số 614a/TTr-KHBL ngày 18/05/2026 về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần – Chiến lược phát triển hoạt động Ngân hàng bán lẻ BIDV giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược hợp phần – Chiến lược phát triển hoạt động ngân hàng bán lẻ (NHBL) BIDV giai đoạn 2026-2030 với các nội dung chính như sau:

1. Tầm nhìn, định hướng hoạt động NHBL BIDV đến năm 2030:

BIDV duy trì vị thế là Ngân hàng bán lẻ số 1 Việt Nam, Top 20 Ngân hàng bán lẻ lớn nhất tại Đông Nam Á, Top 100 Ngân hàng bán lẻ lớn nhất Châu Á.

2. Trụ cột chiến lược bán lẻ:

Trụ cột 1	Trụ cột 2	Trụ cột 3	Trụ cột 4
Xác định khách hàng là trung tâm, tiếp cận khách hàng theo chân dung và vòng đời của khách hàng.	Phát triển sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt có giá trị cao trên cơ sở cá nhân hóa sản phẩm và phí theo chân dung, hành vi khách hàng.	Đổi mới sáng tạo trên nền tảng công nghệ, dữ liệu và AI/ML hỗ trợ hỗ trợ kinh doanh và vận hành	Xây dựng năng lực thực thi thông qua nâng cao năng lực cán bộ, tối ưu mô hình vận hành, bán hàng và dịch vụ.

3. Mục tiêu kế hoạch kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu
I	NHÓM CHỈ TIÊU LỚN	
1	Dư nợ tín dụng bán lẻ	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 17%/năm
2	Huy động vốn dân cư	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 16,5%/năm
3	Số lượng KHCN cao cấp	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 16%/năm
II	NHÓM CHỈ TIÊU MẠNH	
1	Thu nhập thuần bán lẻ	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 20%/năm
2	Lợi nhuận trước thuế	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 38%/năm
3	Dịch vụ ròng	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 24%/năm
4	Tỷ lệ nợ xấu	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 đạt 0,8%
5	Tỷ lệ CASA	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 đạt 25%
6	Số lượng khách hàng active	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 10%/năm
7	Tỷ lệ sử dụng sản phẩm thẻ TD	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 đạt 9%
III	NHÓM CHỈ TIÊU XANH	
1	TNT bán lẻ trên kênh số	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 27%/năm
2	Tỷ lệ khách hàng sử dụng Smartbanking	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 đạt 90%
3	Số lượng SPDV chốt bán qua Contact Center	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 12%/năm

4. Các nhóm giải pháp chiến lược:

- Nhóm giải pháp về khách hàng
- Nhóm giải pháp về sản phẩm
- Nhóm giải pháp cấu trúc mô hình kinh doanh và kênh bán
- Nhóm giải pháp về trải nghiệm khách hàng
- Nhóm giải pháp về quản lý rủi ro bán lẻ
- Nhóm giải pháp về truyền thông, marketing bán lẻ
- Nhóm giải pháp cải thiện quản trị chi phí
- Nhóm giải pháp về công nghệ, dữ liệu và AI/ML

(Nội dung chi tiết tại tài liệu Chiến lược phát triển hoạt động NHBL BIDV đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo: (i) Xây dựng và ban hành Chương trình hành động triển khai Chiến lược hợp phần; (ii) Tổ chức truyền thông, quán triệt nội dung Chiến lược hợp phần trong toàn hệ thống; (iii) Bố trí các nguồn lực để triển khai, đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả và chất lượng các giải pháp trong Chiến lược hợp phần.

2. Giao Ban Nghiên cứu và Quản trị Chiến lược đầu mối theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chiến lược hợp phần, chủ động đề xuất, tham mưu cho Hội đồng Quản trị để có các chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Giám đốc Ban Khách hàng bán lẻ, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận (05b):

- HĐQT (để p/h chỉ đạo);
- Ban điều hành (để t/h);
- Như điều 4 (để t/h);
- Người quản trị công ty;
- Lưu: VP, TK&QHCD, KHBL.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Đức Tú





Số: 542 /NQ-BIDV

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần – Chiến lược phát triển hoạt động
Khối Khách hàng doanh nghiệp BIDV giai đoạn 2026-2030

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị BIDV;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ BIDV lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 345/NQ-BIDV ngày 24/04/2026 của Hội đồng Quản trị BIDV v/v phê duyệt Chiến lược phát triển BIDV đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Xét đề nghị của Ban điều hành tại Tờ trình số 1368a/TTr-QLKHDN ngày 12/05/2026 về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần – chiến lược phát triển hoạt động Khối Khách hàng doanh nghiệp BIDV giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược hợp phần – Chiến lược phát triển hoạt động Khối Khách hàng doanh nghiệp BIDV giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung chính như sau:

1. Trụ cột phát triển khối KHDN giai đoạn 2026-2030

Khách hàng	Nguồn lực và văn hóa doanh nghiệp	Đổi mới sáng tạo, công nghệ chuyển đổi số
Định vị khách hàng doanh nghiệp là trung tâm, cam kết cung ứng các giải pháp sản phẩm dịch vụ ưu việt, nhằm tối ưu hóa trải nghiệm và gia tăng giá trị bền vững cho Khách hàng.	Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ QLKHDN nòng cốt với tư duy số đột phá, tinh thông nghiệp vụ và chuẩn mực đạo đức, cùng gắn kết vì mục tiêu chung của BIDV. Kế thừa giá trị truyền thống, thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp.	Đẩy mạnh văn hóa đổi mới sáng tạo, chủ động nắm bắt công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng các xu hướng như AI, Blockchain, dữ liệu lớn để tạo giá trị khác biệt và tăng tốc phát triển.

2. Mục tiêu chiến lược

a) Chuyển đổi mô hình kinh doanh Khách hàng doanh nghiệp (KHDN) theo hướng xác định hiệu quả làm trung tâm, đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái cung



cấp giải pháp tài chính toàn diện cho KHDN.

b) Duy trì vị thế, thị phần hàng đầu phục vụ KHDN, tăng tỷ lệ KHDN lựa chọn BIDV là Ngân hàng giao dịch chính. Duy trì vị thế dẫn đầu trong phân khúc SME và duy trì vị thế top 03 Ngân hàng đứng đầu trong phân khúc FDI tại Việt Nam.

c) Nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua cải thiện mạnh mẽ về chất lượng tín dụng, tăng thu dịch vụ ngoài lãi và tăng CASA, giữ vững vị thế số 1 về hoạt động bảo lãnh, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm kinh doanh theo mô hình kinh doanh ít vốn.

d) Đi đầu trong ứng dụng công nghệ, dữ liệu và AI để nâng cao năng suất lao động, cảnh báo và nhận diện rủi ro sớm để đảm bảo kiểm soát được hiệu quả chất lượng tín dụng và năng lực cạnh tranh của hệ thống.

e) Nâng cao năng lực quản trị rủi ro, sẵn sàng ứng phó và gia tăng khả năng thích ứng với những biến động của môi trường kinh doanh.

f) Xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tinh thông nghiệp vụ, kỹ năng chuyên nghiệp, am hiểu khách hàng sâu sắc để cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng, đáp ứng mô hình kinh doanh mới.

g) Trở thành ngân hàng dẫn đầu thị trường Việt Nam trong phát triển xanh, bền vững và thực hành ESG, đứng đầu về dư nợ tín dụng xanh, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường của đất nước.

3. Chỉ tiêu KHKD Khối KHDN giai đoạn 2026-2030

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu
I	NHÓM CHỈ TIÊU LỚN	
1	DNTD cuối kỳ	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 13,7%
2	HĐV cuối kỳ	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 17,8%
3	Số lượng KHDN PS thu nhập	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 17%
II	NHÓM CHỈ TIÊU MẠNH	
4	Thu nhập thuần (Không gồm KDNT&PS)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 17,5%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 25%
6	Thu DVR	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 22,6%
7	Tỷ trọng DNTD TDH/TDN	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 đạt 42,0%
8	Tỷ lệ HĐV KKHbq/ HĐVbq	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 đạt 31,50%
9	Tỷ lệ nợ xấu	Cải thiện hàng năm, đến năm 2030 $\leq 1,2\%$
III	NHÓM CHỈ TIÊU XANH	
10	Tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh toàn hệ thống	Đạt 1,5 lần tốc độ tăng trưởng tín dụng của BIDV (dự kiến tăng trưởng khoảng 20-25%/mỗi năm)
11	Số ngành phát thải cao được xây dựng chính sách ngành *	Phấn đấu đến năm 2029 đạt tối thiểu 6 ngành

* Từ năm 2028, tiến độ triển khai chính sách ngành phụ thuộc Lộ trình giảm phát thải tài chính toàn hàng và theo ngành của Ban QLRRTD.

4. Các nhóm giải pháp triển khai

- Chuyển đổi mô hình kinh doanh Khối KHDN

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiện đại hóa công tác quản trị bán hàng
- Đẩy mạnh ứng dụng phân tích dữ liệu, AI, hệ sinh thái, Tài chính nhúng trong hoạt động khối KHDN
- Phát triển nghiệp vụ Ngân hàng giao dịch theo thông lệ quốc tế.
- Cấu trúc danh mục và định hướng ngành để tối ưu, nâng cao hiệu quả kinh doanh KHDN.
- Tăng trưởng nguồn vốn, tăng biên lợi nhuận cho vay, tối ưu hóa chi phí huy động vốn thông qua tăng tỷ lệ huy động vốn không kỳ hạn (CASA).
- Tăng cường quản trị rủi ro tín dụng trên cơ sở thực hành văn hóa kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả công tác cảnh báo rủi ro sớm và sàng lọc khách hàng, xây dựng định hướng quan hệ với các khách hàng để cải thiện chất lượng tín dụng.
- Đẩy mạnh triển khai các giải pháp theo chiến lược ESG, theo định hướng tăng trưởng xanh, tài trợ chuỗi cung ứng và chuyển dịch năng lượng.

(Nội dung chi tiết tại tài liệu Chiến lược phát triển hoạt động khối KHDN đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo: (i) Xây dựng và ban hành Chương trình hành động triển khai Chiến lược hợp phần; (ii) Tổ chức truyền thông, quán triệt nội dung Chiến lược hợp phần trong toàn hệ thống; (iii) Bố trí các nguồn lực để triển khai, đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả và chất lượng các giải pháp trong Chiến lược hợp phần.

2. Giao Ban Nghiên cứu và Quản trị Chiến lược đầu mối theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chiến lược hợp phần, chủ động đề xuất, tham mưu cho Hội đồng Quản trị để có các chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Giám đốc Ban Quản lý khách hàng doanh nghiệp, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận: (05b)

- HĐQT (để p/h c/đ);
- Ban Điều hành (để t/h);
- Như Điều 4 (để t/h);
- Người phụ trách quản trị BIDV;
- Lưu: VP, Ban TK&QHCB, Ban QLKHDN.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Đức Tú



Số: 543 /NQ-BIDV

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt Định hướng phát triển
hệ sinh thái ngoài NHTM BIDV giai đoạn 2026-2030

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị BIDV;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ BIDV lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-TW ngày 24/01/2025 của Bộ chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/05/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 59/NQ-TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 345/NQ-BIDV ngày 24/04/2026 của Hội đồng Quản trị BIDV v/v phê duyệt Chiến lược phát triển BIDV đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 283a/TT-QLĐT ngày 15/05/2026 về việc Phê duyệt Định hướng phát triển hệ sinh thái ngoài NHTM BIDV giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Định hướng phát triển hệ sinh thái ngoài NHTM BIDV giai đoạn 2026-2030, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Quan điểm

- Kiến tạo hệ sinh thái tài chính ngoài ngân hàng thương mại theo định hướng tập đoàn Tài chính - Ngân hàng Lớn - Mạnh - Xanh với các trụ cột gồm Chứng khoán - Bảo hiểm - Quản lý quỹ - Cho thuê tài chính - Quản lý nợ và khai thác tài sản.
- Tập trung nguồn lực cho các mảng kinh doanh cốt lõi, tăng khả năng cạnh tranh, đa dạng nguồn thu, tối đa lợi ích từ một khách hàng của BIDV.
- Đầu tư mới có chọn lọc, theo sát các xu hướng lớn trong ngành tài chính, chủ động nghiên cứu theo sát các xu hướng tài chính lớn trên thị trường để tiên phong đầu tư vào các mô hình tài chính mới. Nghiên cứu phát triển hoạt động ngoài ngân hàng thương mại tại các địa bàn nước ngoài có hiện diện thương mại của BIDV khi điều kiện phù hợp.



- Quản lý danh mục đầu tư linh hoạt, chuyển từ theo dõi giám sát các chỉ tiêu hiệu quả tài chính sang quản trị đầu tư toàn diện theo mục tiêu của mỗi đơn vị đầu tư trong hệ sinh thái sản phẩm.

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ sở hữu chi phối tại các đơn vị có tỷ suất sinh lời cao và/hoặc đóng góp quan trọng vào hệ sinh thái của BIDV. Xem xét tăng vốn góp để nâng cao năng lực tài chính cho các đơn vị trong điều kiện phù hợp.

2. Định hướng đối với từng đơn vị đầu tư hiện tại trong hệ sinh thái

2.1. Chứng khoán

Phấn đấu đến năm 2030, BSC thuộc TOP 15 công ty chứng khoán có quy mô và hiệu quả tốt nhất Việt Nam, thuộc TOP công ty dẫn đầu thị phần môi giới toàn thị trường.

2.2. Bảo hiểm

- **Bảo hiểm nhân thọ:** Cơ cấu lại vốn góp tại BIDV-Metlife, tiếp tục hợp tác, phát triển kênh phân phối bảo hiểm nhân thọ.

- **Bảo hiểm phi nhân thọ:** Phấn đấu đến năm 2030, BIC cải thiện thứ hạng trong TOP 5 về doanh thu phí bảo hiểm gốc và tiếp tục giữ vững TOP 2 về lợi nhuận.

2.3. Cho thuê tài chính

Phấn đấu đến năm 2030, BSL trở thành công ty cho thuê tài chính thuộc TOP 3 về quy mô dư nợ và lợi nhuận tại thị trường Việt Nam.

2.4. Quản lý nợ và khai thác tài sản

Phát triển BAMC trở thành kênh xử lý thu hồi nợ độc lập, chuyên nghiệp của BIDV, từng bước phát triển thành đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý nợ, quản lý và khai thác tài sản và các dịch vụ khác, tận dụng tối đa các chức năng pháp lý được NHNN cho phép.

2.5. Ngân hàng trong nước (VRB)

Đảm bảo hoạt động ngân hàng ổn định, tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN và nâng cao hiệu quả phù hợp với bối cảnh/điều kiện hoạt động. Tập trung nghiên cứu, xây dựng và triển khai ngân hàng số, công nghệ hiện đại.

2.6. Các ngân hàng hải ngoại

- **Đối với LVB,** duy trì tỷ lệ sở hữu và tăng vốn điều lệ thông qua lợi nhuận giữ lại hoặc các hình thức khác phù hợp quy định. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng danh mục tài sản và hiệu quả hoạt động của LVB để làm tốt vai trò phát triển mạng lưới kinh doanh của BIDV tại Lào.

- **Đối với chi nhánh BIDV Yangon,** tối ưu hóa vận hành, nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng ổn định, bền vững và chuyển đổi mô hình hoạt động sang Ngân hàng con khi điều kiện thuận lợi.

- **Đối với BIDC,** tập trung nâng cao chất lượng danh mục tài sản và triển khai cấu hình ngân hàng số hiện đại, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- **Các văn phòng đại diện:** Tiếp tục duy trì 04 văn phòng đại diện tại Lào, Campuchia, Đài Loan và Nga.

3. Định hướng đầu tư mới

- **Định hướng ngành:** Tiếp tục nghiên cứu đầu tư hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm (nếu điều kiện thuận lợi), phù hợp với khẩu vị rủi ro của BIDV. Nguồn vốn đầu tư mới được phân bổ theo 03 nhóm sau:

+ Các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư giai đoạn 2026-2027 gồm: Công ty Quản lý quỹ/Quản lý tài sản trực thuộc BIDV (hoặc giao BSC triển khai), Ngân hàng số chuyên biệt, Công ty về nền tảng tài chính số và phát triển hạ tầng công nghệ, dữ liệu cho toàn bộ hệ sinh thái tài chính.

+ Các dự án nghiên cứu đầu tư trong giai đoạn mở rộng hệ sinh thái gồm: Các công ty tài chính chuyên biệt, triển khai hoạt động kinh doanh vàng và kim loại quý khi điều kiện thuận lợi.

+ Các dự án đầu tư có tính chất thử nghiệm, đón đầu: Các dự án hiện diện tại IFC, kinh doanh tài sản số, các sản phẩm giao dịch tài sản mới, các dịch vụ khác như chứng khoán hóa khoản vay,

- **Định hướng thị trường:** Nghiên cứu mở hiện diện thương mại tại Trung Quốc và các thị trường khác phù hợp với yêu cầu phát triển mạng lưới kinh doanh.

4. Định hướng thoái vốn

Tiếp tục đặt mục tiêu thoái vốn các khoản đầu tư ngoài ngành, các khoản đầu tư có tỷ suất sinh lời thấp hoặc các khoản đầu tư không còn nằm trong trục chính của hệ sinh thái.

5. Các nhóm giải pháp chính

- Quyết liệt thực thi lộ trình tăng vốn và tái cơ cấu danh mục đầu tư
- Đầu tư mới có chọn lọc, theo sát các xu hướng lớn trong ngành tài chính
- Thúc đẩy sự cộng hưởng hệ sinh thái trong phát triển sản phẩm
- Đổi mới mô hình quản trị và nhân sự đại diện vốn

(Chi tiết Định hướng phát triển tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo: (i) Xây dựng và ban hành Chương trình hành động triển khai Định hướng phát triển hệ sinh thái ngoài NHTM BIDV giai đoạn 2026-2030; (ii) Tổ chức truyền thông, quán triệt nội dung Định hướng trong toàn hệ thống; (iii) Bố trí các nguồn lực để triển khai đúng tiến độ, hiệu quả và chất lượng các giải pháp nhằm đảm bảo bám sát các định hướng đã được phê duyệt.

2. Giao Người đại diện vốn tại các công ty con, công ty liên doanh liên kết: (i) Chỉ đạo xây dựng các giải pháp nhằm triển khai hiệu quả các định hướng đã được phê duyệt trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn theo phân cấp thẩm quyền quy định; (ii) Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động của các công ty và báo cáo BIDV thông qua Ban Quản lý đầu tư theo quy định.

3. Giao Ban Nghiên cứu và Quản trị Chiến lược đầu tư theo dõi, đánh giá việc thực hiện, chủ động đề xuất, tham mưu cho Hội đồng Quản trị để có các chỉ đạo, điều

chính kịp thời.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /

Nơi nhận: (05 b)

- HĐQT (để p/h c/d);
- Ban Điều hành (để t/h);
- NDD vốn tại các công ty (để t/h);
- Như Điều 4 (để t/h);
- Người phụ trách quản trị BIDV;
- Lưu: VP, Ban TK&QHCD, Ban QLĐT





Số: 544 /NQ-BIDV

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần - Chiến lược Công nghệ thông tin
và Chuyển đổi số BIDV giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn 2045

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị BIDV;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ BIDV lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 345/NQ-BIDV ngày 24/04/2026 của Hội đồng Quản trị BIDV v/v phê duyệt Chiến lược phát triển BIDV đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-NHNN ngày 03/11/2025 v/v phê duyệt “Chiến lược chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Ban điều hành tại Tờ trình số 716/TTr-CN ngày 17/04/2026 về việc Phê duyệt Chiến lược Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số BIDV giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số BIDV giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn 2045 như sau:

1. Tầm nhìn đến 2045: Xây dựng BIDV trở thành ngân hàng có năng lực công nghệ thông tin và chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam, vươn tầm hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

2. Mục tiêu phát triển CNTT và Chuyển đổi số

2.1 Mục tiêu tổng quát: Xây dựng nền tảng CNTT và Chuyển đổi số hiện đại, mở, linh hoạt, an toàn và bền vững; làm chủ các công nghệ và nền tảng cốt lõi; lấy phục vụ khách hàng làm trung tâm; lấy dữ liệu và công nghệ số làm động lực tăng trưởng, gia tăng hiệu quả chiến lược kinh doanh và quản trị của BIDV.

2.2 Các mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(i) Tạo ưu thế trong tương tác và lấy khách hàng làm trọng tâm

Triển khai và mở rộng các nền tảng ứng dụng hỗ trợ cho tiếp thị, thu hút và giữ chân khách hàng (đa kênh tương tác khách hàng, quản lý dữ liệu khách hàng và quản lý mối quan hệ với khách hàng). Đến năm 2030:

- Tối thiểu 90% khách hàng sử dụng kênh số;



- 90% số lượng các hành trình quan trọng của khách hàng được triển khai trên các nền tảng số;

- Tỷ trọng doanh thu từ kênh số đạt tối thiểu 30% tổng doanh thu.

(ii) Đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm dịch vụ số

- Tập trung phát triển các sản phẩm công nghệ và số hóa các hành trình khách hàng nhằm mục tiêu hỗ trợ đáp ứng 90% sản phẩm và dịch vụ khách hàng được số hóa hoàn toàn.

- Triển khai nền tảng Fee Engine thế hệ mới, quản lý tập trung và linh hoạt chính sách phí, tối ưu hóa giá trị, đảm bảo minh bạch và cá nhân hóa cho khách hàng.

- Phân tích dự đoán nhu cầu, xây dựng các chân dung khách hàng mục tiêu cụ thể, đẩy mạnh các công cụ marketing số, xây dựng các công cụ chấm điểm tín dụng tự động, phân đấu 100% quyết định cho vay, giải ngân với các khoản vay nhỏ lẻ, vay tiêu dùng của khách hàng cá nhân thực hiện theo hướng số hóa, tự động.

(iii) Làm chủ công nghệ và các nền tảng ứng dụng cốt lõi

- Làm chủ hoàn toàn (cấp độ 1) và làm chủ việc chỉnh sửa, tích hợp (cấp độ 2) đối với 100% các nền tảng chủ chốt.

- Phát triển hệ thống Core Banking theo định hướng tinh gọn – hiệu quả (Lean Core).

- Tập trung ưu tiên phát triển mới các sản phẩm/ứng dụng tại BIDV trên các nền tảng ứng dụng ngân hàng theo chuẩn kiến trúc mới; Giảm thiểu và chuyển đổi các ứng dụng đơn khối sang kiến trúc mở (dịch vụ siêu nhỏ - microservice và giao diện lập trình - API), kiểm soát chặt chẽ đảm bảo trên 70% các sản phẩm công nghệ được triển khai tuân thủ kiến trúc CNTT; Hoàn thiện các API tương ứng với các dịch vụ tài chính chủ yếu của BIDV và nền tảng Open API, cung cấp các dịch vụ tài chính và phi tài chính trên chợ (marketplace) cho khách hàng.

- Hoàn thiện nền tảng Ngân hàng mở (Open Banking) trên điện toán đám mây, phát triển hệ sinh thái tài chính số thông minh, thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới, gia tăng quy mô cung ứng sản phẩm, dịch vụ tài chính số đổi mới sáng tạo.

- Chuyển đổi các ứng dụng công nghệ thông tin từ các bộ ứng dụng phát triển và triển khai riêng lẻ sang những nền tảng ứng dụng với năng lực hoạt động ổn định, bền vững, kết hợp với các sản phẩm công nghệ được tạo nên từ các dịch vụ siêu nhỏ (microservices) thông qua các giao diện lập trình mở (Open API) nhằm đáp ứng nhu cầu của các đơn vị kinh doanh.

(iv) Chuyển đổi mạnh mẽ hệ thống CNTT theo định hướng áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, phát triển cơ sở hạ tầng CNTT bền vững, ổn định.

- Triển khai tối thiểu 70% các ứng dụng lên môi trường điện toán đám mây; Ứng dụng các công nghệ 4.0 (trí tuệ nhân tạo¹, học máy, quản lý quy trình, chuỗi khối và Robotics) vào các sản phẩm và dịch vụ của BIDV.

- Triển khai nền tảng quản lý dữ liệu lớn để lưu trữ, khai thác, xử lý các dữ liệu có cấu trúc và phi cấu trúc; Quy hoạch và xây dựng thành công các nền tảng dữ liệu khách hàng, đảm bảo đầy đủ dữ liệu cho các phân tích, báo cáo, vận hành sản phẩm và báo cáo tuân thủ theo đúng kiến trúc dữ liệu của BIDV.

- Phát triển và chuẩn hóa cơ sở hạ tầng CNTT theo hướng hiện đại, bền vững và ổn định với kiến trúc hạ tầng linh hoạt, mở, tự động hóa cao; hoạt động theo mô

¹Đối với ứng dụng trí tuệ nhân tạo, triển khai theo lộ trình Chiến lược hợp phần Dữ liệu và AI.

hình active-active, không dừng (zero downtime); đảm bảo và đáp ứng các yêu cầu phát triển, mở rộng hệ thống Corebanking, hệ thống ứng dụng, dữ liệu, AI. Trong đó, năng lực xử lý ngưỡng vận hành CPU/RAM (peak) tối đa 65%, ngưỡng sử dụng storage tối đa 80%, năng lực tại Trung tâm dữ liệu 2 tương đương 100% năng lực đối với các hệ thống giao dịch online/ứng dụng quan trọng và tối thiểu 70% năng lực đối với các ứng dụng khác.

(v) Nâng tầm quản trị CNTT, quản trị rủi ro và quản trị nội bộ

- Kiện toàn các năng lực và cơ cấu tổ chức quản trị kiến trúc, danh mục đầu tư và phát triển, quản trị chuyển đổi CNTT, quản trị dữ liệu và bảo mật, nhằm đảm bảo sự phát triển CNTT được thực hiện một cách đồng bộ và bền vững.

- Từng bước áp dụng quản trị công nghệ tập trung đối với các công ty con hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, đảm bảo hiệu quả, triển khai nhanh, điều chỉnh nhanh các sản phẩm dịch vụ để phù hợp với thực tế kinh doanh, xu hướng thị trường và đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.

- Nâng cao năng lực quản trị, chuẩn hóa vận hành CNTT theo mô hình active-active; tự động hóa công tác giám sát Trung tâm dữ liệu và các hệ thống CNTT; đảm bảo HA/DR² cho hệ thống trọng yếu, rút ngắn RTO/RPO³ về mức tối thiểu. Xây dựng năng lực quản trị dịch vụ và chất lượng dịch vụ trên điện toán đám mây.

- Bảo mật toàn diện, phòng thủ chủ động và tăng cường tuân thủ: triển khai các giải pháp công nghệ bảo mật mới, đa lớp, có chiều sâu bảo vệ toàn diện cho các hệ thống CNTT; Chuẩn hóa an toàn sản phẩm (Product Security) và an toàn dữ liệu; Tăng cường hiệu quả Trung tâm an ninh mạng (SOC); Đảm bảo tuân thủ quy định của cơ quan quản lý nhà nước và các tiêu chuẩn quốc tế (PCI DSS, SWIFT CSP...). Đến năm 2030 mức độ trưởng thành ATTT đạt tối thiểu 4.5/5 điểm theo tiêu chuẩn NIST.

- Tiếp tục mở rộng phạm vi áp dụng các giải pháp phục vụ số hoá công tác quản trị nội bộ; Xây dựng và kiện toàn nền tảng dữ liệu và hoàn thiện năng lực phân tích trong các giải pháp tích hợp quản trị rủi ro và tuân thủ theo tiêu chuẩn Basel III.

- Đến năm 2030: tối thiểu 90% hồ sơ công việc được xử lý và lưu trữ trên môi trường số (trừ hồ sơ mật).

(vi) Văn hóa chuyển đổi số, mô hình tổ chức và nguồn nhân lực

- Thu hút, đào tạo và phát triển đội ngũ lãnh đạo, chuyên gia, chuyên viên cao cấp trong các lĩnh vực chiến lược: kiến trúc CNTT, cloud, an toàn thông tin, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo.

- Xây dựng và triển khai các chương trình tạo nguồn cán bộ trẻ thông qua các mô hình như thực tập sinh tài năng, tuyển chọn quán quân/các cá nhân xuất sắc từ các giải đấu công nghệ trong và ngoài hệ thống (Hackathon, coding challenge, data challenge...), nhằm hình thành lực lượng kế cận nòng cốt cho BIDV trong dài hạn.

- Hoàn thiện cơ chế đánh giá, đãi ngộ và khen thưởng (xây dựng cơ chế đãi ngộ, khen thưởng linh hoạt, phân tầng theo nhóm nhân sự, gắn trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích với hiệu quả đổi mới) theo hướng gắn với kết quả đầu ra, giá trị tạo ra và mức độ đóng góp cho mục tiêu chiến lược của BIDV. Chuyển trọng tâm từ đánh

² HA - High Availability/DR - Disaster Recovery, tính sẵn sàng cao và khôi phục sau thảm họa

³ RTO – Recovery Time Objective (khoảng thời gian để hệ thống có thể phục hồi, kể từ khi xảy ra sự kiện gián đoạn bất ngờ); RPO – Recovery Point Objective (thời gian tối đa được phép mà dữ liệu có thể được khôi phục để tiếp tục hoạt động bình thường nếu hệ thống ngừng hoạt động)

giá theo quá trình sang đánh giá theo hiệu quả ứng dụng CNTT, tác động đến năng suất lao động, chất lượng dịch vụ, trải nghiệm khách hàng và quản trị rủi ro.

3. Các nhóm giải pháp chính:

- Ứng dụng xu hướng công nghệ mới
- Làm chủ các nền tảng ứng dụng quan trọng phục vụ phát triển kinh doanh và quản trị nội bộ
- Hạ tầng và nền tảng phục vụ phát triển Dữ liệu và AI
- Hạ tầng Công nghệ và Cloud
- Bảo mật
- Văn hóa chuyển đổi số, mô hình tổ chức và nguồn nhân lực

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo: (i) Xây dựng và ban hành Chương trình hành động triển khai Chiến lược hợp phần; (ii) Tổ chức truyền thông, quán triệt nội dung Chiến lược hợp phần trong toàn hệ thống; (iii) Bố trí các nguồn lực để triển khai, đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả và chất lượng các giải pháp trong Chiến lược hợp phần.

2. Giao Ban Nghiên cứu và Quản trị Chiến lược đầu mối theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chiến lược hợp phần, chủ động đề xuất, tham mưu cho Hội đồng Quản trị để có các chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nghị quyết này thay thế các văn bản sau:

- Nghị quyết 468/NQ-BIDV ngày 31/05/2021 v/v phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số của BIDV giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết 1204/NQ-BIDV ngày 22/12/2023 v/v Điều chỉnh Nghị quyết số 468/NQ-BIDV ngày 31/05/2021 v/v phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số của BIDV giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết 556/NQ-BIDV ngày 10/06/2022 v/v Phê duyệt Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin giai đoạn 2022-2031, tầm nhìn đến năm 2035.

- Nghị quyết 179/NQ-BIDV ngày 26/02/2025 v/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển CNTT.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Giám đốc Ban Công nghệ, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận: (05b)

- HĐQT (để p/h c/d);
- Ban Điều hành (để t/h);
- Như Điều 4 (để t/h);
- Người phụ trách quản trị BIDV;
- Lưu: VP, Ban TK&QHCD, Ban CN.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Đức Tú



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 545/NQ-BIDV

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần - Chiến lược dữ liệu, AI và
đổi mới sáng tạo của BIDV giai đoạn 2026-2030**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị BIDV;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ BIDV lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 345/NQ-BIDV ngày 24/04/2026 của Hội đồng Quản trị BIDV v/v phê duyệt Chiến lược phát triển BIDV đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 488/NQ-BIDV ngày 12/05/2025 của Hội đồng Quản trị BIDV v/v đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại BIDV đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 608a/TTr-TTDLPT ngày 15/05/2026 về việc phê duyệt Chiến lược hợp phần - Chiến lược dữ liệu, AI và đổi mới sáng tạo của BIDV giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược dữ liệu, AI và đổi mới sáng tạo của BIDV giai đoạn 2026-2030, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tầm nhìn:

Đến năm 2030, trở thành ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam trong khai thác và phát huy dữ liệu, ứng dụng AI và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi toàn diện các mặt hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.



2. Quan điểm:

a) Quán triệt nhận thức dữ liệu là tài sản chiến lược của Ngân hàng, đóng vai trò quan trọng trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Việc khai thác và phát huy giá trị của dữ liệu, ứng dụng AI và đổi mới sáng tạo là một trong những nội dung đột phá quan trọng, là lợi thế, năng lực cạnh tranh và là động lực thúc đẩy toàn diện hoạt động của Ngân hàng theo định hướng mọi quyết định dựa trên dữ liệu và công nghệ, góp phần thực thi Chiến lược phát triển của BIDV.

b) Xây dựng và triển khai Chiến lược dữ liệu, AI và đổi mới sáng tạo theo thông lệ quốc tế, bắt kịp các xu hướng ứng dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, tập trung giải quyết các bài toán hoạt động kinh doanh cụ thể. Nghiên cứu và triển khai các sản phẩm đổi mới sáng tạo mang tính đột phá và dẫn dắt.

c) Đào tạo kiến thức, kỹ năng ứng dụng dữ liệu và AI cho cán bộ các cấp. Bồi đắp văn hóa dữ liệu và văn hóa đổi mới sáng tạo, khuyến khích tư duy cởi mở, sẵn sàng học hỏi, thử nghiệm và ứng dụng các công nghệ tiên tiến.

d) Đảm bảo mọi hoạt động thu thập, sử dụng dữ liệu, ứng dụng AI và đổi mới sáng tạo tuân thủ quy định của pháp luật, quyền riêng tư và các hướng dẫn về quản trị, đạo đức và quản lý rủi ro.

3. Mục tiêu:

3.1. Mục tiêu tổng quát:

a) **Nâng cao trải nghiệm và tăng cường gắn kết khách hàng:** Ứng dụng dữ liệu, AI và các công nghệ tiên tiến để thấu hiểu sâu sắc khách hàng, dự đoán nhu cầu và cá nhân hóa công tác tiếp thị, bán hàng và cung cấp sản phẩm dịch vụ nhằm thu hút khách hàng mới, gia tăng mức độ hài lòng và giữ chân khách hàng, hỗ trợ thay đổi cách thức bán hàng và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

b) **Tăng cường hiệu quả vận hành và tác nghiệp:** Ứng dụng dữ liệu, AI và các công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa công tác vận hành, tác nghiệp theo định hướng tự động hóa, rút ngắn thời gian xử lý, giảm thiểu công việc thủ công và lỗi tác nghiệp.

c) **Cải thiện quản trị rủi ro và đáp ứng yêu cầu tuân thủ:** Ứng dụng dữ liệu, AI và các công nghệ tiên tiến để tăng cường quản trị rủi ro trên tất cả các hoạt động trọng yếu nhằm nâng cao năng lực phát hiện gian lận, cảnh báo sớm rủi ro, giảm thiểu tổn thất và đáp ứng các yêu cầu tuân thủ.

d) **Tăng cường năng lực cốt lõi về nền tảng, hạ tầng dữ liệu, AI và đổi mới sáng tạo:** Thiết lập, vận hành nền tảng và công nghệ dữ liệu theo kiến trúc Data Fabric cho phép thu thập, lưu trữ, xử lý, quản trị dữ liệu đa nguồn, đảm bảo dữ liệu “Đúng – Đủ – Sạch – Sống – Thống nhất – Dùng chung”. Quản lý và khai thác dữ liệu hệ sinh thái BIDV, bao gồm dữ liệu của các công ty con, đơn vị liên doanh, liên kết, để thiết lập hồ sơ khách hàng toàn diện, hỗ trợ phát triển nền khách hàng và bán chéo sản phẩm dịch vụ giữa Ngân hàng và các đơn vị.

e) **Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển năng lực công nghệ khác biệt:** Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm dịch vụ, mô hình kinh doanh hoặc doanh thu mới mang tính đột phá, có tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của BIDV. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới mở- từ hợp tác Fintech

đến nghiên cứu học thuật để dẫn dắt thị trường về ứng dụng AI và công nghệ tài chính.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2030
1	Tỷ lệ đơn vị ứng dụng AI trong hoạt động nghiệp vụ	≥90%
2	Ứng dụng AI trong phát triển phần mềm	≥ 60%
3	Tỷ lệ cán bộ được đào tạo về dữ liệu và AI	≥ 99%
4	Tỷ lệ cán bộ được khai thác dữ liệu và ứng dụng AI trong hoạt động hàng ngày	≥ 90%

4. Các nhóm nhiệm vụ và giải pháp chính:

- Xây dựng danh mục, kế hoạch triển khai các bài toán dữ liệu, AI và đổi mới sáng tạo.
- Thiết lập nền tảng dữ liệu và hạ tầng AI.
- Nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.
- Quản trị dữ liệu hướng đến giá trị.
- Phát triển nhân lực, văn hóa và đạo đức dữ liệu, AI và đổi mới sáng tạo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo: (i) Xây dựng và ban hành Chương trình hành động triển khai Chiến lược hợp phần; (ii) Tổ chức truyền thông, quán triệt nội dung Chiến lược hợp phần trong toàn hệ thống; (iii) Bố trí các nguồn lực để triển khai, đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả và chất lượng các giải pháp trong Chiến lược hợp phần.

2. Giao Ban Nghiên cứu và Quản trị Chiến lược đầu mối theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chiến lược hợp phần, chủ động đề xuất, tham mưu cho Hội đồng Quản trị để có các chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Nghị quyết số 957/NQ-HĐQT ngày 15/09/2025 của Hội đồng Quản trị v/v phê duyệt Chiến lược dữ liệu và AI của BIDV giai đoạn 2026-2030.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Giám đốc Trung tâm Dữ liệu và Phân tích, Giám đốc Trung tâm AI và Đổi mới Sáng tạo, Giám đốc các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận: (05b)

- HĐQT (để p/h c/đ);
- Ban Điều hành (để t/h);
- Như Điều 4 (để t/h);
- Người phụ trách quản trị BIDV;
- Lưu: VP, Ban TK&QHCB, TTDL&PT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Đức Tú